

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2024/HS-PT

Ngày: 22/02/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huân.

Các Thẩm phán: 1. Ông Phan Thanh Nguyễn.

2. Ông Ngô Đức Thụ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mộng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 22/02/2024, tại Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 478/TLPT-HS ngày 26/12/2023 đối với bị cáo Trần Thanh N, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 544/2024/QĐXXPT-HS ngày 31/01/2024 do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 169/2023/HSST ngày 15/11/2023 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Trần Thanh N**, sinh năm 1997 tại tỉnh K; nơi đăng ký thường trú: ấp K, xã V, huyện T, tỉnh K; nơi cư trú: (không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh A và bà Ngô Thị Ngọc B; chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: không.

Bắt giữ: 21/3/2023;

Tạm giam: 23/3/2023;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị: Ngoài ra, còn có bị cáo Võ Anh T không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 02 giờ 30 phút, ngày 21/3/2023, Công an Phường 5, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh tuần tra đến trước cổng sau nhà số 5-7 Đường số B, khu nhà ở C, Phường N, Quận T, thì phát hiện và bắt quả tang Võ Anh T đang bán trái phép chất ma túy cho Trần Thanh N. Lực lượng công an thu giữ trong túi xách màu đen mà T đang đeo trên người có 02 gói nylon chứa tinh thể không màu. T và N cùng khai nhận đây là 02 gói ma túy T bán cho N nhưng khi nhìn thấy Công an, T đã cất lại vào túi xách đang đeo trên người. Ngoài ra, Công an còn tạm giữ của T 01 điện thoại di động, 01 xe gắn máy biển số 59E1-467.15 và 100.000 đồng; tạm giữ của N 01 điện thoại di động. Sau đó, lực lượng công an đã đưa T và N cùng vật chứng đến trụ sở Công an Phường 5, Quận X để lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ và niêm phong vật chứng.

Tiến hành xét nghiệm tìm chất ma túy xác định T dương tính với chất ma túy, N âm tính với chất ma túy.

Căn cứ Kết luận số 2654/KL-KTHS ngày 29/3/2023, Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định được như sau:

- Tinh thể không màu trong gói nylon thứ nhất thu giữ của T là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,0948g, loại Methamphetamine;
- Tinh thể không màu trong gói nylon thứ hai thu giữ của T là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,3580g, loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra, xác định được như sau: Vào khoảng 00 giờ ngày 21/3/2023, thông qua ứng dụng Zalo, N liên hệ với T hỏi mua 500.000 đồng “hàng đá” (ma túy tổng hợp) để sử dụng. T đồng ý và hẹn giao dịch mua bán tại gần nhà N tại số C, đường Số S, Ấp B, xã B, huyện B. Sau đó, T điều khiển xe máy mang biển số 59E1-467.15 đến khu vực chân cầu Rạch Ông, đường Phạm Thế Hiển, Phường 1, Quận X mua 2 gói ma túy tổng hợp của một người đàn ông tên H (không rõ lai lịch) với giá 300.000 đồng. Sau đó, T cất ma túy vào túi xách màu đen đeo trước ngực, rồi điều khiển xe máy đến điểm hẹn để bán cho N. Khoảng 02 giờ 20 phút cùng ngày, N đi bộ từ nhà ra trước cổng sau nhà số N đường Số B, khu nhà ở C, Phường N, Quận T thì gặp T. Tại đây, N sử dụng tài khoản ngân hàng VPBank số 35550011 của N chuyển khoản 400.000 đồng đến tài khoản 24187667 của T mở tại ngân hàng ACB và trả cho T 100.000 đồng tiền mặt; còn T thì lấy 02 gói ma túy từ túi xách đeo trước ngực giao cho N. Khi phát hiện thấy Công an thì T cất ma túy trở lại vào túi xách đeo.

Vật chứng tạm giữ trong vụ án gồm:

-01 gói niêm phong ghi số 2654/23 G1, bên ngoài có các chữ ký ghi tên Võ Anh T, Điều tra viên Nguyễn Ngọc Tiên, chữ ký giám định viên Bùi Công Danh và hình dấu Công an Phường 5, Quận X;

-01 gói niêm phong ghi số 2654/23 G2, bên ngoài có các chữ ký ghi tên Võ Anh T, Trần Thanh N, Điều tra viên Nguyễn Ngọc Tiên, chữ ký giám định viên Bùi Công Danh và hình dấu Công an Phường 5, Quận X;

-01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đỏ, gắn sim số 0826994121 của Trần Thanh N có dùng liên lạc mua ma túy;

-01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen, gắn sim số 0846818211 và sim số 0886057354 của Võ Anh T có dùng liên lạc mua bán ma túy;

-01 túi xách màu đen của Võ Anh T dùng cất giấu ma túy;

-100.000 đồng;

-01 xe máy biển số 59E1-467.15.

Trong quá trình điều tra, xác định được chiếc xe máy mang biển số 59E1-467.15 do bà Lê Thị Thanh T1 (dì của T) là người đứng tên đăng ký chủ sở hữu; bà T1 không có lỗi trong việc để cho T sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho bà T1.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 169/2023/HSST ngày 15/11/2023 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 15 và Điều 57 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 21/3/2023.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử Võ Anh T 03 năm 09 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; xử lý vật chứng, tuyên án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/11/2023, bị cáo N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Trần Thanh N khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm xử lý vụ án như sau: Bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bà nội của bị cáo là thương bệnh binh; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt. Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo là có phần nặng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo từ 03 đến 06 tháng.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa và không tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1].Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn quy định tại Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2].Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, có căn cứ để xác định:

Vào ngày 21/3/2023, bị cáo Trần Thanh N đã mua 0,4528g ma túy loại Methamphetamine với giá 500.000 đồng của Võ Anh T với mục đích cất giữ để sử dụng cho bản thân. N đã thanh toán 500.000 đồng cho T, trong đó có 100.000 đồng tiền mặt và 400.000 đồng được thanh toán qua hình thức chuyển khoản qua ngân hàng. Khi T thực hiện việc giao ma túy cho N thì bị lực lượng công an phát hiện bắt quả tang.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là sai trái, bị luật pháp nghiêm cấm nhưng vì động cơ vụ lợi nên vẫn cố ý vi phạm.

Đối chiếu với quy định của pháp luật, có đủ căn cứ xác định bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

[3].Về kháng cáo của bị cáo Trần Thanh N:

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt nên Tòa án cấp sơ thẩm căn điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 15 và Điều 57 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ và áp dụng mức án nhẹ trong khung hình phạt là có căn cứ. Hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử đối với bị cáo là phù hợp với pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ vi phạm và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tài liệu hoặc nêu ra được tình tiết giảm nhẹ nào khác ngoài các tình tiết đã được nêu. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4].Các nhận định đã nêu cũng là lập luận và căn cứ để không chấp nhận ý kiến bào chữa của bị cáo và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5].Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thanh N; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 169/2023/HSST ngày 15/11/2023 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 15 và Điều 57 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Trần Thanh N** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 21/3/2023.

2. Bị cáo Trần Thanh N phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận :

- TANDTC; (1)
- TAND Cấp Cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP .HCM; (3)
- VKSND Quận X; (1)
- P. PC27 – CATP; (1)
- Bị cáo; (9)
- THA Quận X; (1)
- TAND Quận X; (1)
- Công an Quận X; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa hình sự, hồ sơ. (25) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Công Huân